

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-8-2019  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Tuấn Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Hằng

Bà Trần Thị Kim Quân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:**  
Ông Vũ Việt Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 06-6-2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang cư trú tại: Phòng 106, tòa nhà Puresuteji, Matsunaga Chou 2-5-7, thành phố Fukuyama, tỉnh Hiroshima, Nhật Bản.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Lành về vấn đề tranh chấp nuôi con chung:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- *Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau ngày 09-8-2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân Hòa,

huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại xóm 4, thôn B, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ. Đến tháng 11 năm 2017, chị L bàn với anh để cho chị đi lao động tại nước ngoài nhưng anh và gia đình không đồng ý. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù, anh và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị L không nghe. Ngày 19-11-2017 chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ và làm thủ tục xuất khẩu lao động nước ngoài, vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay. Trong quá trình chị L lao động tại nước ngoài, anh chị cũng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Chị L cũng không gửi tiền về cho anh để nuôi con, cũng không hỏi thăm con. Nay anh nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05-7-2012. Hiện cháu đang sinh sống cùng anh tại xóm 4, thôn B, xã Nhân Hòa. Cháu đang học tại trường tiểu học Bất Phí, xã Nhân Hòa. Cháu hiện tại khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh đang làm việc tại Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc địa chỉ: Lô B7, Khu công nghiệp Quế Võ. Mức thu nhập hiện tại của anh là 5.000.000đ/ tháng.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị L theo bản tự khai và người đại diện theo ủy quyền của chị trình bày:* Chị và anh T kết hôn với nhau ngày 09-8-2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, chị và anh T được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do chị và mẹ chồng không hợp nhau, kinh tế gia đình không ổn định, nhiều lần chị đã đề nghị với anh T để xin ra ở riêng nhằm phát triển kinh tế nhưng anh T không đồng ý. Vì kinh tế khó khăn nên chị xin đi nước ngoài nhưng anh T không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Anh T là người hay ghen, mặc dù không có bằng chứng nhưng anh T hay bảo chị đi ngoại tình, nhiều lần đã đánh và đuổi chị ra khỏi nhà, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2018, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị L về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tháng 10/2018, chị L bắt đầu đi lao động tại Nhật Bản. Thủ tục đi lao động tại Nhật Bản đều do gia đình chị L thực hiện, anh T không muốn cho chị L đi và không quan tâm đến chị. Nay anh T có đơn yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05-7-2012. Hiện anh T là người chăm sóc nuôi dưỡng, sức khỏe của cháu tốt, phát triển bình thường. Trước khi đi Nhật Bản chị L vẫn thường xuyên thăm nom, đón con chung về chăm sóc nuôi dưỡng nhưng anh T không đồng ý nên hai bên dẫn đến xô xát. Anh T cho rằng chị không quan tâm chăm sóc con chung là không đúng. Nhiều lần chị đến thăm và đưa tiền cho bố chồng nhưng ông không nhận. Nhiều lần anh T còn đánh chị trước mặt con chung vì vậy sau khi ly hôn chị không đồng ý để anh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Chị đề nghị Tòa án xem xét để chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu. Hiện tại thu nhập hàng tháng của chị là 26.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị đang làm việc tại Nhật Bản, chị đề nghị Tòa án gửi tổng đạt các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ của chị là bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn C, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Chị xin được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và chị ủy quyền cho mẹ đẻ của chị là bà Th tham gia tố tụng đối với phần tranh chấp về nuôi con chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị L. Về con chung, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ lúc thụ lý vụ án đến lúc Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05-7-2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên không xem xét. Chị L có quyền chăm sóc, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị L, địa chỉ tại thôn C, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Khi nộp đơn khởi kiện, anh T không cung cấp được địa và không biết chị L đang cư trú tại nước nào. Quá trình xác minh, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xác nhận ngày 24-10-2018 chị L đã xuất cảnh ra nước ngoài và hiện không có thông tin nhập cảnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958 địa chỉ thôn C, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh là mẹ đẻ của chị L. Bà Th xác nhận chị L hiện đang lao động tại Nhật Bản, chị vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng bà không biết rõ địa chỉ chính xác của chị L. Bà Th đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và bản mô tả câu hỏi đối với chị L.

Tại văn bản trả lời chị L xác nhận đang làm việc tại Nhật Bản, chị đã được Tòa án thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng do đang lao động tại nước ngoài nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định giải quyết, xét xử vắng mặt chị L theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 09-8-2011 tại UBND xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn anh chị đã được tự do tìm hiểu và không bị ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của anh T với chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thôn B, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ và có 01 người con chung. Quá trình chung sống, do điều kiện kinh tế không ổn định nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, thường cãi nhau. Chị L có bàn với anh T để chị đi nước ngoài lao động nhưng anh không đồng ý, mâu thuẫn trở lên trầm trọng từ khi chị L về nhà mẹ đẻ sinh sống và làm thủ tục đi nước ngoài. Ngày 24-10-2018 chị L bắt đầu sang lao động tại Nhật Bản, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh yêu cầu ly hôn thì chị L cũng đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh T và chị L đã trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau, mục đích của hôn nhân không

đạt được. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì chị L cũng đồng ý. Vì vậy, cần cho anh T ly hôn với chị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh T và chị L có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05-7-2012. Khi ly hôn, cả anh T và chị L đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên hiện chị L đang lao động tại Nhật Bản. Hiện con chung đang sinh sống cùng anh T tại xóm 4, thôn B, xã Nhân Hòa. Cháu hiện tại khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học tại trường tiểu học B, xã Nhân Hòa. Khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố. Để không làm ảnh hưởng tới sinh hoạt, học tập và xem xét nguyện vọng của cháu Tuấn A cần phải giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và lệ phí Tòa án: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 39, 146, 147, 203, 220, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 54, 55, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và anh chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05-7-2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí và lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0004456 ngày 04-6-2019 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Tuấn Anh**